

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THẮT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HS-ST

Ngày: 28/4/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THẮT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thắt, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thắt, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Thành Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thắt xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2020/TLST-HS, ngày 22 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Bị cáo: Nguyễn Văn T, sinh năm 1950; tại xã An Phước, huyện Mang Thắt, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp Phú Hòa, xã An Phước, huyện Mang Thắt, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Thường (chết) và bà Nguyễn Thị Lê (chết); có vợ là Nguyễn Thị Em và 02 con sinh năm 1977, nhỏ sinh năm 1979. Chị em ruột có 07 người (lớn nhất sinh năm 1941, nhỏ nhất sinh năm 1967).

Tiền sự: không; tiền án: không, nhân thân chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo hiện tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị cáo: Nguyễn Minh Nh, sinh năm 1974; tại: Long Châu, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp T Thủy, xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Triển và bà Trần Thị Tuyết Nga; có vợ là Trần Thị Sương và 02 con sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2008. Chị em ruột có 04 người (lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1984).

Tiền sự: không; tiền án: không, nhân thân chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo hiện tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/Trần T Tâm, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T Thủy, xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

2/ Nguyễn Văn Tiếp, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phước Thủy, xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2012 đến năm 2015, hàng năm Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Mang Thít đều ký Hợp đồng Ủy nhiệm thu với bị cáo Nguyễn Văn T về việc thu các nguồn quỹ, thuế của xã An Phước. Trách nhiệm của Nguyễn Văn T là

1. Theo dõi quá trình thu của các ấp về chế độ qui định và theo lập bộ được duyệt;

2. Nhận lai, cấp lai, quyết toán với phòng tài chính và chịu trách nhiệm về số lai đã nhận;

3. Mời Ủy nhiệm thu các ấp về quyết toán lai, đăng nộp đầy đủ, kịp thời các nguồn thu vào kho bạc Nhà nước huyện;

4. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã về số thu, đăng nộp, quyết toán lai và số lai đã nhận.

Trong thời gian làm cán bộ Ủy nhiệm thu của xã An Phước, bị cáo Nguyễn Văn T đã thu tiền từ các nguồn quỹ do nhân dân đóng góp gồm: Quỹ giao thông nông thôn; Quỹ vì người nghèo; Quỹ đền ơn đáp nghĩa; Quỹ an ninh – quốc phòng và Quỹ phòng chống lụt bão. Sau khi thu tiền từ nhân dân đóng góp, lợi dụng sự thiếu giám sát, kiểm tra của người quản lý, lợi dụng quyền hạn được giao, bị cáo đã sử dụng trái phép và chiếm đoạt tài sản công. Để thực hiện trong nhiều năm, Nguyễn Văn T gian dối, báo cáo các cấp trong xã còn nợ lại, hoặc thu chưa đủ.

VỀ HÀNH VI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP TÀI SẢN:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ từ năm 2012 – 2015, lợi dụng quyền hạn được giao, bị cáo Nguyễn Văn T đã thu tiền, nhưng không đăng nộp theo đúng quy định mà sử dụng trái phép. Cụ thể như sau:

Năm 2012:

1. Quỹ giao thông nông thôn:

Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm 22 bảng kê lai thông qua 02 bảng quyết toán với **1.085** lai (Một ngàn không trăm tám mươi lăm)(Trong đó : 21 lai hỏng) ; với tổng số tiền: **107.622.000đ** (Một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Đăng nộp: **75.850.000đ** (Bảy mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

- Còn: **31.772.000đ** (Ba mươi một triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

2. Quỹ Vì người nghèo :

- Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm 30 bảng kê lai thông qua 02 bảng quyết toán với **1.450** lai (Một ngàn bốn trăm năm mươi)(Trong đó 39 lai hỏng) ; với tổng số tiền: **42.812.000đ** (Bốn mươi hai triệu tám trăm mười hai nghìn đồng).

- Đăng nộp: **27.000.000đ** (Hai mươi bảy triệu đồng).

- Còn: **15.812.000đ** (Mười lăm triệu tám trăm mười hai nghìn đồng).

3. Quỹ đền ơn đáp nghĩa :

- Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm 32 bảng kê lai thông qua 02 bảng quyết toán với **1.478** lai (Một ngàn bốn trăm bảy mươi tám)(Trong đó: 37 lai hỏng) ; với tổng số tiền: **29.303.500đ** (*Hai mươi chín triệu, ba trăm lẻ ba nghìn năm trăm đồng*).

- Đăng nộp năm: **15.000.000đ** (*Mười lăm triệu đồng*)

-Tồn: **14.303.500đ** (*Mười bốn triệu ba trăm lẻ ba nghìn năm trăm đồng*).

4. Quỹ An ninh - quốc phòng

- Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm 31 bảng kê lai thông qua 02 bảng quyết toán với **1.527** lai (Một ngàn năm trăm hai mươi bảy)(Trong đó: 58 lai hỏng) ; với tổng số tiền: **35.890.000đ** (*Ba mươi lăm triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng*).

- Đăng nộp: **19.000.000đ** (*Mười chín triệu đồng*).

- Tồn: **16.890.000đ** (*Mười sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng*).

5. Quỹ Phòng chống lụt bão

- Tổng thu của 12 ấp và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm 26 bảng kê lai tổng qua 02 bảng quyết toán với **1.444** lai (Một ngàn bốn trăm bốn mươi bốn)(Trong đó: 40 lai hỏng) ; với tổng số tiền: **16.645.500đ** (*Mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng*).

- Đăng nộp: **9.000.000đ** (*Chín triệu đồng*)

- Tồn: **7.645.500đ** (*Bảy triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng*).

* **Như vậy** : Năm 2012 tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm: **6.984** lai (Sáu ngàn, chín trăm tám mươi bốn), với tổng số tiền: **232.273.000đ** (*Hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng*).

- Đã đăng nộp: **145.850.000đ** (*Một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

-Tồn: **86.423.000đ** (*Tám mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng*).

(Trong này, bị cáo Nguyễn Văn T sử dụng: 18.039.000đ; cho Trần T T âm, cán bộ xã An Phước mượn: 68.384.000đ).

Năm 2013:

1. Quỹ giao thông nông thôn:

- Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm 44 bảng kê lai thông qua 03 bảng quyết toán với **1.743** lai (Một ngàn bảy trăm bốn mươi ba)(Trong đó: 51 lai hỏng) ; với tổng số tiền: **172.107.000đ** (*Một trăm bảy mươi hai triệu một trăm lẻ bảy nghìn đồng*).

- Đăng nộp: **116.230.000đ** (*Một trăm mười sáu triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*)

-Tồn: **55.877.000đ** (*Năm mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*).

2. Quỹ vì người nghèo :

- Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm 44 bảng kê lai thông qua 03 bảng quyết toán với **1.816** lai (Một nghìn tám trăm mười sáu)(Trong đó: 71 lai hỏng) ; với tổng số tiền: **53.100.000đ** (*Năm mươi ba triệu một trăm nghìn đồng*).

- Đăng nộp : **35.000.000đ** (*ba mươi lăm triệu đồng*)

-Tồn: **18.100.000đ** (*Mười tám triệu một trăm nghìn đồng*).

3. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa :

- Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm 45 bảng kê lai thông qua 03 bảng quyết toán với **1.842** lai (Một ngàn tám trăm bốn mươi hai) (Trong đó: 61 lai hỏng); với tổng số tiền: **36.180.000đ** (*Ba mươi sáu triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*).

- Đăng nộp: **25.000.000đ** (*hai mươi lăm triệu đồng*)

-Tồn: **11.180.000đ** (*Mười một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*).

4. Quỹ An ninh - quốc phòng

Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm 46 bảng kê lai thông qua 03 bảng quyết toán với **1.761** lai (Một ngàn bảy trăm sáu mươi một) (Trong đó: 68 lai hỏng); với tổng số tiền: **41.086.000đ** (*Bốn mươi một triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

- Đăng nộp : **20.000.000đ** (*Hai mươi triệu đồng*)

-Tồn: **21.086.000đ** (Hai mươi một triệu không trăm tám mươi sáu nghìn đồng)

5. Quỹ Phòng chống lụt bão

- Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm 43 bảng kê lai thông qua 03 bảng quyết toán với **1.845** lai (Một ngàn tám trăm bốn mươi lăm)(Trong đó: 51 lai hỏng); với tổng số tiền: **19.824.100đ** (Mười chín triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn một trăm đồng).

- Đăng nộp: **7.000.000đ** (Bảy triệu đồng).

-Tồn: **12.824.100đ** (Mười hai triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn một trăm đồng).

* **Như vậy** : Năm 2013 tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm: **9.007** lai (Chín ngàn, không trăm bốn lẻ bảy); với tổng số tiền: **322.297.100đ** (Ba trăm hai mươi hai triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn một trăm đồng).

- Đã đăng nộp: **203.230.000đ** (Hai trăm lẻ ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

-Tồn: **119.067.100đ** (Một trăm mười chín triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm đồng).

(Trong này: Bị cáo Nguyễn Văn T, sử dụng: 42.098.100đ; cho Trần T Tâm cán bộ xã An Phước mượn: 62.919.000đ; cho UBND xã An Phước tạm ứng số tiền: 9.050.000đ; cho Trần Tuấn Anh cán bộ xã An Phước mượn: 4.000.000đ; cho Nguyễn Văn Tiếp cán bộ xã An Phước mượn: 1.000.000đ).

Năm 2014:

1. Quỹ Giao thông nông thôn

- Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm 47 bảng kê lai thông qua 03 bảng quyết toán với **1.751** lai (Một ngàn bảy trăm năm mươi một)(Trong đó : 27 lai hỏng); với tổng số tiền: **202.900.000đ** (Hai trăm lẻ hai triệu chín trăm nghìn đồng).

-Đăng nộp: **200.144.000đ** (*hai trăm triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*)

-Tồn: **2.756.000đ** (*Hai triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

2. Quỹ V ì người ngh ề

- Tổng thu v à quyết to án với Phòng T à ch ình - Kế hoạch huyện gồm 48 bảng kê lai th ông qua 03 bảng quyết to án với **1.767** lai (Một nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy)(Trong đó: 33 lai hổng); với tổng số tiền: **53.075.000đ** (*Năm mươi ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

- Đăng nộp: **30.000.000đ** (*Ba mươi triệu đồng*).

-Tồn: **23.075.000đ** (*Hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

3. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa

- Tổng thu v à quyết to án với Phòng T à ch ình - Kế hoạch huyện gồm 52 bảng kê lai th ông qua 03 bảng quyết to án với **1.812** lai (Một nghìn, tám trăm mười hai)(trong đó: 43 lai hổng); với tổng số tiền: **25.384.000đ** (*Hai mươi lăm triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng*).

- Đăng nộp: **10.000.000đ** (*mười triệu đồng*)

- Tồn: **15.384.000đ**(*Mười lăm triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng*).

4. Quỹ An ninh - quốc ph òng

- Tổng thu v à quyết to án với Phòng T à ch ình - Kế hoạch huyện gồm 47 bảng kê lai th ông qua 03 bảng quyết to án với **1.776** lai (Một nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu) (Trong đó: 34 lai hổng); với tổng số tiền: **42.266.000đ** (*Bốn mươi hai triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

- Đăng nộp: **15.500.000đ** (*Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng*)

- Tồn: **26.766.000đ**(*Hai mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

5. Quỹ Ph òng chống lụt b ão

- Tổng thu v à quyết to án với Phòng T à ch ình - Kế hoạch huyện gồm 43 bảng kê lai th ông qua 03 bảng quyết to án với **1.791** lai (Một nghìn bảy trăm chín

một)(Trong đó: 49 lai hồng) ; với tổng số tiền: **20.672.500đ** (Hai mươi triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Đăng nộp: **7.000.000đ** (Bảy triệu đồng)

-Tồn :**13.672.500đ**(Mười ba triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng).

*** Như vậy** : Năm 2014 tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm: **8.897** lai (Tám ngàn, tám trăm chín mươi bảy), với tổng số tiền: **344.297.500đ** (Ba trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

- Đăng nộp : **262.644 .000đ** (Hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Tồn: **81.653.500đ** (Tám mươi một triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng).

(Trong này: Bị cáo Nguyễn Văn T sử dụng: 59.578.500đ ; cho Trần T Tâm cấn bộ xã An Phước mượn: 22.075.000đ).

Năm 2015:

1. Quỹ Giao thông nông thôn

- Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm 35 bảng kê lai thông qua 03 bảng quyết toán với **1.397** lai (Một nghìn, ba trăm chín mươi bảy)(Trong đó: 43 lai hồng) ; với tổng số tiền: **175.500.000đ** (Một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

- Đăng nộp: **95.000.000đ** (Chín mươi lăm triệu đồng)

- Tồn : **80.500.000đ** (Tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng)

2. Quỹ Vì người nghèo

- Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm 38 bảng kê lai thông qua 03 bảng quyết toán với **1.416** lai (Một nghìn, bốn trăm mười sáu) (Trong đó: 22 lai hồng); với tổng số tiền: **138.250.000đ** (Một trăm ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Đăng nộp: **50.000.000đ** (Năm mươi triệu đồng)

-Tồn: **88.250.000đ** (*Tám mươi tám triệu hai trăm năm chục nghìn đồng*).

3. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa

- Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm 42 bảng kê lai thông qua 03 bảng quyết toán với **1.684** lai (Một nghìn, sáu trăm tám mươi bốn) (Trong đó: 48 lai hỏng); với tổng số tiền: **21.790.000đ** (*Hai mươi một triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*).

- Đăng nộp: **12.000.000đ** (*Mười hai triệu đồng*)

-Tồn: **9.790.000đ** (*Chín triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*).

4. Quỹ An ninh quốc phòng

- Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm: **1.657** lai (Một nghìn, sáu trăm năm mươi bảy)(Trong đó: 62 lai hỏng); với tổng số tiền: **38.280.000đ** (*Ba mươi tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

-Đăng nộp: **30.000.000đ** (*Ba mươi triệu đồng*)

-Tồn: **8.280.000đ** (*Tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

5. Quỹ Phòng chống lụt bão: Không thu.

*** Như vậy** : Năm 2015 tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện gồm 42 bảng kê lai thông qua 03 bảng quyết toán với **6.154** lai (Sáu nghìn một trăm năm mươi bốn); với tổng số tiền: **373.820.000đ** (*Ba trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng*).

- Đăng nộp: **187.000 .000đ** (*Một trăm tám mươi bảy triệu đồng*).

-Tồn: **186.820.000đ** (*Một trăm tám mươi sáu triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*).

(Trong này: Bị cáo Nguyễn Văn T sử dụng: 102.238.000đ; cho Trần T T âm, cán bộ xã An Phước mượn: 4.566.000đ; cho Nguyễn Minh Nh, chủ tịch xã An Phước mượn: 25.000.000đ; cho UBND xã An Phước tạm ứng: 45.310.000đ; Võ Văn Quốc, ủy nhiệm thu ấp Thuận Thới xã An Phước giữ: 1.680.000đ; Lê Văn Tấn, ủy nhiệm thu ấp Phú Hòa xã An Phước giữ: 5.526.000đ; Lê Văn Phong ủy nhiệm thu ấp Thủy Thuận xã An Phước giữ: 2.500.000đ).

Tổng cộng: Trong thời gian từ năm 2012 – 2015, bị cáo Nguyễn Văn T đã lợi dụng quyền hạn được giao, sử dụng trái phép số tiền **409.897.600đ** (*Bốn trăm lẻ chín triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*) từ các nguồn thu do nhân dân đóng góp của xã An Phước, huyện Mang Thít.

(Trong này: Bị cáo sử dụng cá nhân: 221.953.600đ; cho Trần T Tâm mượn 157.944.000đ; cho Nguyễn Minh Nh mượn 25.000.000đ; cho Trần Tuấn Anh mượn 4.000.000đ; cho Nguyễn Văn Tiếp mượn 1.000.000đ).

VỀ HÀNH VI THAM Ô TÀI SẢN:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ từ năm 2012 – 2015, lợi dụng quyền hạn được giao, bị cáo Nguyễn Văn T đã thu tiền từ các nguồn thu do nhân dân đóng góp, nhưng đã gian dối báo chưa thu đủ và không quyết toán theo đúng quy định mà chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Cụ thể như sau:

1. Thu năm 2012 quyết toán năm 2013

Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện gồm 05 bảng kê với **134** lai (Một trăm ba mươi bốn)(trong đó: 05 lai hỏng); với tổng số tiền là **5.236.000đ** (*Năm triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng*). Số tiền này thu năm 2012, đến 25/12/2013 mới quyết toán với Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện.

2. Thu năm 2012 quyết toán năm 2015

Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện gồm 42 bảng kê với **1.497** lai (Một ngàn bốn trăm chín mươi bảy)(trong đó có 51 lai hỏng); với tổng số tiền là **45.236.000** đồng (*Bốn mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng*). Số tiền này thu năm 2012, đến 10/12/2015 mới quyết toán với Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện.

3. Thu năm 2013 quyết toán năm 2015

Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện gồm 01 bảng kê lai thu với **08** lai (tám); với tổng số tiền là **800.000** đồng (*tám trăm nghìn đồng*). Số tiền này thu năm 2013, đến 10/12/2015 mới quyết toán với Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện.

4. Thu năm 2014 quyết toán năm 2015

Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện gồm 03 bảng kê lại thu với **70** lai (Bảy mươi), với tổng số tiền: **2.264.500** đồng (*hai triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm đồng*). Số tiền này thu năm 2014, đến 31/8/2015 mới quyết toán với Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện.

5. Thu năm 2015 quyết toán năm 2018

Tổng thu và quyết toán với Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện gồm 07 bảng kê với **304** lai (Ba trăm lẻ bốn)(trong đó có 04 lai hỏng); với tổng số tiền thu: **27.960.000** đồng (*hai mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng*). Số tiền này thu năm 2015, đến 26/12/2018 mới quyết toán với Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện.

Tổng cộng: Từ năm 2012 – 2015 bị cáo Nguyễn Văn T đã gian dối thu và quyết toán không đúng quy định gồm 58 bảng kê với **2013** lai (hai ngàn không trăm mười ba); với tổng số tiền: **81.496.500đ** (*tám mươi một triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng*). Số tiền này bị cáo đã chiếm đoạt sử dụng cá nhân, đến năm 2018 mới đăng nộp. (Trong này cá nhân bị cáo 50.496.500đ; cho Trần T Tâm mượn 31.000.000đ).

VỀ HÀNH VI THIẾU TRÁCH NHIỆM GÂY HẬU QUẢ NGHIÊM TRỌNG:

Từ năm 2012 đến năm 2015, bị cáo Nguyễn Minh Nh giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Mang Thít và là người trực tiếp ký các hợp đồng ủy nhiệm thu với bị cáo Nguyễn Văn T.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, do tin tưởng Nguyễn Văn T và bộ phận kế toán của Ủy ban nhân dân xã An Phước, nên Nguyễn Minh Nh đã không làm tròn trách nhiệm, không thực hiện hết chức năng nhiệm vụ được giao, quản lý lỏng lẻo, thiếu kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thu, đăng nộp các nguồn thu của xã Từ đó đã tạo điều kiện cho Nguyễn Văn T chiếm đoạt số tiền **81.496.500đ** và sử dụng trái phép số tiền **409.897.600đ**; gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước với số tiền **491.394.100đ** (*Bốn trăm chín mươi một triệu, ba trăm chín mươi bốn*

nghe, một trăm đồng). Hành vi của Nguyễn Minh Nh đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của Ủy ban nhân dân xã An Phước.

Tại Mục 7.5, Kết luận giám định số 01 ngày 21/8/2019 của Sở tài chính tỉnh Vĩnh Long xác định Chủ tịch Ủy ban xã thiếu trách nhiệm, vi phạm Thông tư số 60/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 và Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ Tài chính.

Đối với số tiền **54.360.000đ** (năm mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) do Nguyễn Văn T cho tập thể, cá nhân mượn (có phê duyệt của chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Phước). Đây là số tiền cho tạm ứng vì công việc chung của xã hiện nay đã đăng nộp lại nên cơ quan điều tra tách ra xử lý riêng.

Đối với số tiền **9.706.000đ** do ủy nhiệm thu các ấp tự giữ lại, hành vi không cấu thành tội phạm, hiện nay đã đăng nộp lại nên cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với hành vi của ông Nguyễn Văn Tiếp công chức tài chính kế toán xã An Phước, khi ký hợp đồng ủy nhiệm thu với Nguyễn Văn T thì Nguyễn Minh Nh đã giao nhiệm vụ trực tiếp nhận lại, cấp lại, quyết toán với phòng tài chính và chịu trách nhiệm về số lại đã nhận. Việc thực hiện nhiệm vụ thì Tiếp không quản lý được. Cơ quan điều tra xác định chưa cấu thành tội phạm, chỉ đề nghị Ủy ban nhân dân xã An Phước có hình thức xử lý.

Đối với hành vi của ông Nguyễn Văn Bớt, nguyên trưởng phòng tài chính - kế hoạch huyện Mang Thít, Cơ quan điều tra xác định chưa cấu thành tội phạm, chỉ đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít có hình thức xử lý.

Đối với hành vi của ông Bùi Hồng Phước, công chức phòng tài chính - kế hoạch huyện Mang Thít, Cơ quan điều tra xác định chưa cấu thành tội phạm, chỉ đề nghị Phòng tài chính - kế hoạch huyện Mang Thít có hình thức xử lý.

Hiện nay, bị cáo Nguyễn Văn T và những người có liên quan đã nộp vào ngân sách và khắc phục xong tổng số tiền **491.394.100đ** (Bốn trăm chín mươi một triệu, ba trăm chín mươi bốn nghìn, một trăm đồng).

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả xong. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Vật chứng cơ quan điều tra đang thu giữ:

- Tổng số lai thu tiền chiến dịch mùa khô từ năm 2012 đến năm 2015 gồm 05 nguồn quỹ như: Giao thông nông thôn, đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo, An ninh – quốc phòng, phòng chống lụt bão: là 34.113 lai (đã niêm phong)

- Số tiền: **14.541.600đ** (mười bốn triệu, năm trăm bốn mươi mốt nghìn, sáu trăm đồng). Số tiền này sau khi đối chiếu phần tiền tham ô đã nộp lại còn chênh lệch, bị cáo đã tự nguyện nộp vào tài khoản cơ quan điều tra.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS.HMT, ngày 15 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít truy tố bị cáo **Nguyễn Văn T** về tội Tham ô tài sản và tội Sử dụng trái phép tài sản, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 và điểm d khoản 2 Điều 177 Bộ luật hình sự năm 2015; Bị cáo **Nguyễn Minh Nh** về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, quy định tại điểm d khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng và đề nghị áp dụng điểm c Khoản 2, khoản 5 Điều 353; Điểm d, khoản 2, khoản 4 Điều 177, Điều 38, Điều 54, Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tham ô tài sản và Sử dụng trái phép tài sản” và đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội tham ô tài sản; phạt 03 tháng đến 06 tháng tù về tội sử dụng trái phép tài sản. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo vì hiện nay bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập và tuổi đã cao.

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm d Khoản 1, khoản 4 Điều 360, Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Nh phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” và đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo; Miễn hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền: **14.541.600đ** (mười bốn triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm đồng).
- Tổng số lai thu tiền chiến dịch mùa khô từ năm 2012 đến năm 2015 là 34.113 lai (đã niêm phong) đề nghị tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án.

Về án phí Căn cứ Điều 136 của bộ luật tố tụng hình sự; các điểm a điểm f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh Nhẫn mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo thừa nhận mình có tội và không có ý kiến tranh luận với lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo Nhẫn ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm án cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Mang Thát, tỉnh Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thát, tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, chứng minh được các hành vi, quyết định tố tụng đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, Nguyễn Văn T khai nhận: Trong thời gian từ năm 2012 đến 2015, bị cáo Nguyễn Văn T đã lợi dụng quyền hạn được giao, sử dụng trái phép

tổng số tiền **409.897.600đ** (*Bốn trăm lẻ chín triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng*), từ các nguồn thu do nhân dân đóng góp của xã An Phước. Ngoã ra bị cáo Nguyễn Văn T đã gian dối thu và quyết toán không đúng quy định, chiếm đoạt sử dụng cá nhân tổng số tiền : **81.496.500đ** (*tám mươi một triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm đồng*). Bị cáo phạm tội 02 (hai) lần trở lên. Đây là tình tiết định khung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, Nguyễn Minh Nh khai nhận: Trong thời gian từ năm 2012 đến 2015, bị cáo Nguyễn Minh Nh vì thiếu trách nhiệm, đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nhiệm vụ được giao, gây thiệt hại về tài sản với tổng số tiền **491.394.100đ** (*Bốn trăm chín mươi một triệu, ba trăm chín mươi bốn nghìn, một trăm đồng*).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh Trần T Tâm trình bày: Trong những năm 2012 đến năm 2015 anh nhận nhiệm vụ là cán bộ văn hóa xã hội của xã An Phước, với tư cách cá nhân anh có mượn tiền thu từ các nguồn quỹ của bị cáo Nguyễn Văn T sử dụng vào mục đích cá nhân. Hiện tại anh đã trả hết số tiền đã mượn của bị cáo T và đã nộp vào ngân sách nhà nước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh Nguyễn Văn Tiếp trình bày: Từ năm 2012 đến 2015 anh là kế toán của ủy ban nhân dân xã Phước, anh đã giúp bị cáo T làm các giấy nộp tiền vào kho bạc, nhưng bị cáo T là người trực tiếp quyết toán với phòng tài chính – kế hoạch huyện. Anh Tiếp không được chủ tịch xã phân công giám sát, theo dõi, đơn đốc việc thu nộp tiền quỹ của bị cáo T. Cá nhân anh có mượn tiền thu từ các nguồn quỹ của bị cáo Thanh để sử dụng vào mục đích cá nhân. Hiện anh đã trả xong cho bị cáo số tiền trên.

Xét, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với nội dung bản cáo trạng và lời buộc tội của vị đại diện Viện kiểm sát tại tòa phù hợp với bản kết luận điều tra và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã cấu thành nên tội “ Tham ô tài sản và Sử dụng trái phép tài sản”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 và điểm d khoản 2 Điều 177 của Bộ luật hình

sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Minh Nh đã cấu thành nên tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tham ô tài sản và Sử dụng trái phép tài sản”, Nguyễn Minh Nh về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là có cơ sở đúng pháp luật.

[3] Xếp tính chất, mức độ:

Bị cáo Nguyễn Văn T được ủy ban nhân dân xã An Phước ký hợp đồng ủy nhiệm thu các khoản tiền từ nguồn thu do nhân dân đóng góp, nhưng đã gian dối báo chưa thu đủ và không quyết toán theo quy định trong nhiều năm từ 2012-2015. Sau khi thu tiền từ nhân dân đóng góp, lợi dụng sự thiếu giám sát, kiểm tra của người quản lý, lợi dụng quyền hạn được giao, bị cáo đã sử dụng trái phép và chiếm đoạt tài sản công. Với phương thức như trên từ năm 2012-2015 bị cáo T đã chiếm đoạt tổng số tiền là 81.496.500đ, và sử dụng trái phép số tiền 409.897.600đ; gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước với tổng số tiền là **491.394.100 đ** (*Bốn trăm chín mươi một triệu, ba trăm chín mươi bốn ngàn, một trăm đồng*). Do đó, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít truy tố bị cáo T về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 353 và tội “Sử dụng trái phép tài sản” theo khoản 2 Điều 177 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh Nh đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch ủy ban nhân dân xã An Phước từ năm 2012 đến năm 2015, là người quản lý chung và ký các hợp đồng ủy nhiệm thu với bị cáo T, do tin tưởng bị cáo T nên bị cáo Nh đã không làm tròn trách nhiệm, không thực hiện hết chức năng nhiệm vụ được giao, quản lý lỏng lẻo, thiếu kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thu, đăng nộp các nguồn thu của xã. Do thiếu trách nhiệm, thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao bị cáo Nh đã gây thiệt hại về tài sản với tổng số tiền là **491.394.100 đ** (*Bốn trăm chín mươi một triệu, ba trăm chín mươi bốn ngàn, một trăm đồng*). Do đó, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít truy tố bị cáo Nh về tội “Thiếu

trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 1 Điều 360 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quan hệ sở hữu và hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực thu nộp vào ngân sách nói chung và quản lý các nguồn thu nói riêng mà còn gây thiệt hại đến nguồn thu ngân sách nhà nước. Hành vi của các bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây phần nộ, bất bình đẳng trong quần chúng nhân dân, gây hoang mang, đồng thời ảnh hưởng tiêu cực về nhiều mặt trong bộ máy nhà nước. Cho nên cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên xét các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải; Bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại các điểm b, s, khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Từ năm 2012 đến năm 2015 bị cáo T đã chiếm đoạt tổng số tiền là **491.394.100 đ** (*Bốn trăm chín mươi một triệu, ba trăm chín mươi bốn ngàn, một trăm đồng*). Trong quá trình điều tra bị cáo T tự nguyện nộp số tiền **491.394.100 đ** (*Bốn trăm chín mươi một triệu, ba trăm chín mươi bốn ngàn, một trăm đồng*) để khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo đã khắc phục xong số tiền bị cáo đã chiếm đoạt.

[6] Về vật chứng :

- Đối với số tiền: **14.541.600 đ** (mười bốn triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm đồng) là số tiền sau khi đối chiếu phần tiền tham ô đã nộp lại cộng chính lệnh, bị cáo đã tự nguyện nộp lại nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 34.113 lai thu tiền chiến dịch mùa khô năm 2012-2015 gồm năm nguồn quỹ: giao thông nông thôn, đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo, an ninh quốc

phòng, phòng chống lụt bão, các lai này liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7] Xét, đề nghị của Kiểm sát Viên là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm c Khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm d khoản 2 khoản 4 Điều 177; Điểm b, s, khoản 1 Điều 51; Điều 54, Điều 38, Điều 55, của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ;

-Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm các tội: “Tham ô tài sản và Sử dụng trái phép tài sản”.

- Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù về tội tham ô tài sản và 06 (sáu) tháng tù về tội Sử dụng trái phép tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành bản án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Căn cứ vào Điểm d Khoản 1, khoản 4 Điều 360; Điểm b, s, khoản 1 Điều 51; Điều 65, của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ;

-Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Nh phạm tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Xử phạt bị cáo Nh 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28/4/2020.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Minh Nh cho Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Mang Thát, tỉnh Vĩnh Long phối hợp với gia đình bị cáo giám sát và giáo dục

trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có thể vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 46, Điều 47 Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án đối với 34.113 lai thu tiền chiến dịch mùa khô năm 2012-2015 gồm năm nguồn quỹ: giao thông nông thôn, đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo, an ninh quốc phòng, phòng chống lụt bão.

- Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước số tiền: **14.541.600 đ** (mười bốn triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm đồng) là số tiền sau khi đối chiếu phần tiền tham ô còn chênh lệch, bị cáo đã tự nguyện nộp lại khắc phục hậu quả xong. *(Hiện số tiền do chi cục thi hành án huyện Mang Thát đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/02/2020)*

4. Án phí Căn cứ điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh Nh mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (Mười lăm)

ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày được tính kể từ ngày bản án giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- VKSND Tỉnh
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện
- Những người tham gia tố tụng;
- PHSHS Công an Tỉnh
- UBND xã An Phước
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phước Hùng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THẮT
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 4 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thát

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Ông Nguyễn Đình Cường

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự thụ lý số: 08/2020/TLST-HS, ngày 22 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Bị cáo: Nguyễn Văn T, sinh năm 1950; tại: xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp Phú Hòa, xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Thường (chết) và bà Nguyễn Thị Lê (chết); có vợ là Nguyễn Thị Em và 02 con sinh năm 1977, nhỏ sinh năm 1979. Chị em ruột có 07 người (lớn nhất sinh năm 1941, nhỏ nhất sinh năm 1967).

Tiền sự: không; tiền án: không, nhân thân chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo hiện tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị cáo: Nguyễn Minh Nh, sinh năm 1974; tại: Long Châu, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp T Thủy, xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Triển và bà Trần Thị Tuyết Nga; có vợ là Trần Thị Sương và 02 con sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2008. Chị em ruột có 04 người (lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1984).

Tiền sự: không; tiền án: không, nhân thân chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo hiện tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/ Trần T Tâm, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T Thủy, xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

2/ Nguyễn Văn Tiếp, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phước Thủy, xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ vào các Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH

CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm các tội: “Tham ô tài sản và Sử dụng trái phép tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Nh phạm tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên đồng ý thống nhất đạt 100%.

2. Về điều luật áp dụng Căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 353; điểm d khoản 2 khoản 4 Điều 177; Điểm b, s, khoản 1 Điều 51; Điều 54, Điều 38, Điều 55, của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Căn cứ vào Điểm d Khoản 1 Điều 360; Điểm b, s, khoản 1 Điều 51; Điều 65, của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên đồng ý thống nhất đạt 100%.

3. Mức hình phạt: Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù về tội tham ô tài sản và 06 (sáu) tháng tù về tội Sử dụng trái phép tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành bản án. Xử phạt bị cáo Nh 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28/4/2020.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên đồng ý thống nhất đạt 100%.

4. Các vấn đề khác:

4.1. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 46, Điều 47 Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án đối với 34.113 lai thu tiền chiến dịch mùa khô năm 2012-2015 gồm năm nguồn quỹ: giao thông nông thôn, đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo, an ninh quốc phòng, phòng chống lụt bão.

- Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước số tiền: **14.541.600 đ** (mười bốn triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm đồng) là số tiền sau khi đối chiếu phần tiền tham ô đã nộp lại cộng chính lệnh, bị cáo đã tự nguyện nộp lại. *(Hiện số tiền do chi cục thi hành án huyện Mang Thát đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/02/2020)*

4.2. Án phí Căn cứ điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh Nh mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4.3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày được tính kể từ ngày bản án giao hoặc được niêm yết./.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên thống nhất đạt 100%.

Biên bản kết thúc lúc 11 giờ 00 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa